Số: 327/BC-VQG
Thời gian ký: 2026-03-12T09:46:16+07:00

Biểu số 3

Đơn vị: BQL VƯỜN QUỐC GIA LÒ GÒ - XA MÁT
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VQG ngày tháng 3 năm 2026)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Năm trước
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**-**	**-**			**-**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**-**	**-**			**-**
1	Lệ phí					
	Lệ phí…					
	Lệ phí…					
2	Phí					
	Phí …					
	Phí …					
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**-**	**-**			**-**
1	**Chi sự nghiệp…….**	**-**	**-**			**-**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	**Chi quản lý hành chính**	**-**	**-**			**-**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**-**	**-**			**-**
1	Lệ phí					
	Lệ phí…					
	Lệ phí…					
2	Phí					
	Phí …					
	Phí …					
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**30.101,581**	**26.405,326**	**87,72%**	**110,95%**	**23.799,639**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**30.101,581**	**26.405,326**	**87,72%**	**110,95%**	**23.799,639**
1	**Chi quản lý hành chính**	**-**	**-**			**-**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	**Nghiên cứu khoa học**	**-**	**-**			**-**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-			-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**-**	**-**			**-**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**-**	**-**			**-**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**570,600**	**570,302**	**99,95%**	**196,55%**	**290,159**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Tết)	101,600	101,600	100,00%	118,00%	86,100
5.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (NĐ 73)	469,000	468,702	99,94%	229,69%	204,059
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**29.095,981**	**25.501,765**	**87,65%**	**109,97%**	**23.190,126**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Tự chủ)	8.177,981	8.063,485	98,60%	116,23%	6.937,635
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Tự chủ 13)	8.177,981	8.063,485	98,60%	116,23%	6.937,635

-

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Năm trước
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Tự chủ 14)	-				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Không tự chủ)	20.918,000	17.438,280	83,36%	107,30%	16.252,491
	-Kinh phí không giao quyền tự chủ (15-BV&PTR)	-				
	-Kinh phí không giao quyền tự chủ (12-PCCR)	-				
	-Kinh phí không giao quyền tự chủ (14-CCTL)	-	-			
	-Kinh phí không giao quyền tự chủ (12-PCCR)	-				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**435,000**	**333,259**	**76,61%**	**104,35%**	**319,354**
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	435,000	333,259	76,61%	104,35%	319,354
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**-**	**-**			**-**
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**-**	**-**			**-**
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**-**	**-**			**-**
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**-**	**-**			**-**
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Dự án A					
1.2	Dự án B					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					
4.2	Dự án B					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Dự án A					
9.2	Dự án B					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Dự án A					
10.2	Dự án B					
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**-**	**-**			**-**
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Dự án A					
1.2	Dự án B					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
3.1	Dự án A					
3.2	Dự án B					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Dự án A					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Năm trước
4.2	Dự án B					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Dự án A					
2.2	Dự án B					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Dự án A					
6.2	Dự án B					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Dự án A					
7.2	Dự án B					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Dự án A					
8.2	Dự án B					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Dự án A					
9.2	Dự án B					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Dự án A					
10.2	Dự án B					

Ngày 05 tháng 3 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị